

Điều 9.— Hội đồng giáo dục họp thường lệ một năm hai kỳ: kỳ thứ nhất vào dịp hè để bàn việc chuẩn bị năm học mới, và kỳ thứ hai vào dịp giữa năm học để kiểm tra tình hình thực hiện các quyết định của hội đồng. Tùy theo sự cần thiết, hội đồng có thể họp thêm theo sự triệu tập của chủ tịch hội đồng.

Điều 10.— Các thành viên của hội đồng giáo dục đều hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Đối với những thành viên thuộc biên chế Nhà nước, thì cơ quan sẽ thanh toán công tác phí. Đối với những thành viên không thuộc biên chế Nhà nước, nếu cơ sở sản xuất (tập thể) hoặc đoàn thể nhân dân không thanh toán được công tác phí thì Ủy ban nhân dân sẽ trợ cấp công tác phí. Các khoản chi phí cho hoạt động của hội đồng thì lấy ở sự đóng góp của các đoàn thể, các cơ sở sản xuất, các trường học và một phần ở ngân sách Ủy ban nhân dân.

Chương ba

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11.— Điều lệ này áp dụng cho tất cả hội đồng giáo dục ở các cấp chính quyền địa phương trong cả nước và có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Các đồng chí chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức thực hiện điều lệ này trong các cấp chính quyền địa phương.

Tổng cục trưởng
Tổng cục Dạy nghề
HỒNG LONG

Chủ nhiệm Ủy ban bảo vệ
bà mẹ và trẻ em trung ương
ĐINH THỊ CẦN

Bộ trưởng Bộ Đại học và
trung học chuyên nghiệp
NGUYỄN ĐÌNH TỬ

Bộ trưởng
Bộ Giáo dục
NGUYỄN THỊ BÌNH

BỘ THỦY LỢI

QUYẾT ĐỊNH số 852-QĐ/TL ngày 24-11-1981 ban hành bản Quy định về công tác thủy lợi nhỏ.

BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY LỢI

Căn cứ nghị định số 88-CP ngày 6-3-1979 của Hội đồng Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Bộ Thủy lợi;

Căn cứ nghị định số 232-CP ngày 6-6-1981 của Hội đồng Chính phủ về Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản;

Để đáp ứng yêu cầu phát triển công tác thủy lợi trong tình hình mới;

Theo đề nghị của đồng chí viện trưởng Viện kinh tế thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.— Nay ban hành kèm theo quyết định này bản Quy định về công tác thủy lợi nhỏ, những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 2.— Các đồng chí thủ trưởng các cơ quan chức năng thuộc Bộ Thủy lợi và các đồng chí giám đốc Sở, Ty thủy lợi chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 1981

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi

NGUYỄN CẢNH DINH

QUY ĐỊNH về công tác thủy lợi nhỏ.

(Ban hành kèm theo quyết định số 852-QĐ/TL ngày 24-11-1981).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp thủy lợi không ngừng phát triển nhằm phục vụ yêu cầu ngày càng lớn về sản xuất và đời sống của nhân dân.

Cho đến nay, ta đã và đang xây dựng những hệ thống công trình loại lớn và vừa

có yêu cầu kỹ thuật cao, khối lượng lớn, khắc phục điều kiện thiên nhiên phức tạp để phục vụ cho những vùng sản xuất rộng lớn.

Mặt khác được sự hỗ trợ của Nhà nước, nhân dân ta đã lợi dụng điều kiện thuận lợi của thiên nhiên, bỏ nhiều công sức để tự xây dựng những công trình nhỏ, giải quyết có hiệu quả nước cho sinh hoạt, chạy máy xay xát, phát điện, tưới tiêu nước và cải tạo đất. Nhiều tỉnh miền núi có diện tích được tưới do công trình nhỏ đảm nhiệm lớn hơn nhiều so với diện tích được tưới do công trình lớn và vừa đảm nhiệm; nhiều vùng rẻo cao do đó đã có nước sinh hoạt cho dân. Ở các tỉnh phía Nam, sau ngày giải phóng, do làm các công trình thủy lợi nhỏ, nhiều vùng sản xuất nông nghiệp sớm được phục hồi và phát triển. Nhìn chung, những nơi nào biết kết hợp chặt chẽ cả ba loại công trình lớn, vừa và nhỏ thì nơi đó phát huy được cao tác dụng của mỗi loại.

Phong trào quần chúng làm thủy lợi nhỏ từ nhiều năm nay đã mang lại lợi ích thiết thực và đã giữ vị trí quan trọng trong sự nghiệp phát triển thủy lợi.

Để phát huy tác dụng của công trình thủy lợi nhỏ, hỗ trợ phong trào quần chúng làm thủy lợi, đồng thời để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới, Bộ ban hành bản Quy định về công tác thủy lợi nhỏ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Công trình thủy lợi nhỏ nói trong quy định này là những công trình hay hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và đời sống của đơn vị sản xuất nông nghiệp cơ sở (như hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, tổ đoàn kết sản xuất, v.v...) yêu cầu về kỹ thuật xây dựng và quản lý khai thác phù hợp với trình độ nhân dân, vừa sức nhân dân có thể tự lực xây dựng và quản lý nhằm đáp ứng trực tiếp

và kịp thời lợi ích trước mắt hoặc lâu dài của mình, trong điều kiện phù hợp với phương hướng sản xuất và quy hoạch thủy lợi trong vùng.

Các công trình này chủ yếu nằm trong phạm vi một đơn vị sản xuất nông nghiệp cơ sở hay một xã (sau đây gọi tắt là đơn vị sản xuất cơ sở) có thể xây dựng kiên cố hay không kiên cố để giải quyết nước ăn, lợi dụng sức nước, tưới tiêu, chống lũ núi, chống ngập, thau chua, ngăn mặn, lấn biển, v.v... như hồ đập, kênh, cống, bờ vùng, bờ bao, trạm bơm, v.v... và riêng ở vùng rẻo cao còn có bể chứa, giếng nước sinh hoạt và chăn nuôi.

Điều 2. — Một số trường hợp đặc biệt vẫn được áp dụng bản quy định này:

a) Công trình phù hợp với điều 1, nhưng có một phần liên quan đến xã khác;

b) Công trình nằm trong vùng tưới, tiêu nước của một hệ thống thủy nông còn đang nghiên cứu, thiết kế hoặc mới thi công một vài công trình tạo nguồn, chưa thành kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản hoàn chỉnh, đồng bộ một hệ thống thủy nông.

c) Công trình cục bộ nằm trong một hệ thống thủy nông đã có, đang khai thác mà trong chủ trương đầu tư xây dựng của hệ thống đó không giải quyết.

Điều 3. — Những trường hợp sau đây không thuộc diện áp dụng quy định này:

a) Công trình tuy nằm trong một xã nhưng có yêu cầu kinh tế hoặc kỹ thuật vượt quá khả năng hiện có của nhân dân địa phương.

b) Công trình nằm trong phạm vi của một hệ thống thủy nông đã có, đang khai thác. Loại này được xét trong kế hoạch hoàn chỉnh, mở rộng hoặc nâng cao của hệ thống thủy nông đó.

c) Những công tác thường xuyên và đột xuất về chống hạn, chống úng, hoặc những công việc thuộc nhiệm vụ sửa chữa thường xuyên và sửa chữa lớn các công trình đã đưa vào quản lý khai thác.

Điều 4. — Về chủ đầu tư. Công trình thủy lợi nhỏ do đơn vị sản xuất cơ sở (nơi chưa

có tổ chức sản xuất nông nghiệp tập thể thì Ủy ban nhân dân xã hoặc ban sản xuất xã) làm chủ đầu tư.

Chủ đầu tư căn cứ nhu cầu sản xuất và đời sống của mình cân đối khả năng và lợi ích kinh tế đề đề xuất công trình; thực hiện các thủ tục xin làm công trình; đứng ra tổ chức xây dựng và quản lý khai thác công trình.

Điều 5. — Cấp huyện (nơi đã được phân cấp kế hoạch toàn diện và có ngân sách) có trách nhiệm chủ động, trực tiếp và toàn diện về công tác thủy lợi nhỏ trong huyện.

Điều 6. — Công tác thủy lợi nhỏ có tính quần chúng cao, do đó cần coi trọng các nguyên tắc sau đây:

a) Thủy lợi nhỏ phải được dân tự nguyện và làm chủ. Các đơn vị sản xuất cơ sở phải tự giác, tha thiết làm và tự chịu trách nhiệm trong các bước làm thủy lợi nhỏ. Tinh thần tự nguyện và làm chủ ấy được xây dựng trên cơ sở sự hiểu biết về khoa học kỹ thuật thủy lợi và sự kích thích của lợi ích kinh tế do công trình đem lại. Từ đó mà có biện pháp chỉ đạo thực hiện và cách quản lý kinh tế và kỹ thuật thích hợp, có hiệu lực, tránh các thủ tục hành chính quan liêu, bao cấp nhằm tạo mọi thuận lợi cho cơ sở làm chủ.

b) Thủy lợi nhỏ phải do dân tự đầu tư ở mức tối đa. Đơn vị sản xuất cơ sở trước hết cần huy động khả năng cao nhất của mình để xây dựng và quản lý khai thác công trình.

Sự giúp đỡ của Nhà nước là cần thiết, đủ để phát huy khả năng tự lực của nhân dân.

c) Phải coi trọng quản lý kỹ thuật công trình thủy lợi dù nhỏ và do dân tự làm, nhưng cũng là cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng và có mức độ phức tạp nhất định, nên trong việc chuẩn bị đầu tư, xây dựng và quản lý khai thác, ngành thủy lợi ở các cấp phải coi trọng kỹ thuật giúp dân làm được đúng, tốt và rẻ.

d) Xây dựng phải tập trung đồng bộ và dứt điểm để sớm đưa công trình vào phục vụ. Tốt nhất là hoàn thành gọn trong từng kế hoạch một vụ hay một năm.

Chương II

CHẾ ĐỘ ĐẦU TƯ

Điều 7. — Vốn đầu tư cho công tác thủy lợi nhỏ có ba nguồn:

— Vốn đơn vị sản xuất cơ sở tự có hoặc động viên nhân dân đóng góp;

— Vốn đơn vị sản xuất cơ sở vay Ngân hàng Nhà nước;

— Vốn do ngân sách địa phương hỗ trợ.

Các nguồn vốn ngân sách có thể đầu tư cho công tác thủy lợi nhỏ đều tập trung vào một mối do Ủy ban nhân dân huyện (hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh, nếu huyện chưa được phân cấp) xét duyệt và vẫn do ngành tài chính quản lý và cấp phát khi đơn vị sản xuất cơ sở có đủ thủ tục như điều 15 quy định.

Điều 8. — Có ba mức đầu tư:

Mức A: Vốn do đơn vị sản xuất cơ sở tự lực hoàn toàn, Nhà nước hết sức giúp đỡ và tạo mọi thuận lợi để đơn vị sản xuất cơ sở hoàn thành việc xây dựng, cụ thể là giúp đỡ kỹ thuật, bán cho các vật tư, thiết bị cần thiết theo kế hoạch, ngân hàng ưu tiên xét cho vay số vốn còn thiếu.

Mức B: Vốn do Nhà nước đầu tư hỗ trợ cho đơn vị sản xuất cơ sở một phần, Nhà nước có thể đầu tư gọn từng hạng mục công trình (ví dụ công trình đầu mối, một số công trình trên kênh...) hoặc cung cấp và bán cho những vật tư thiết bị cần thiết theo kế hoạch, hoặc hỗ trợ một phần vốn còn thiếu.

Mức B áp dụng sau khi xét thấy đơn vị sản xuất cơ sở đã tự lực cao và đã cam kết thực hiện một số điều kiện kinh tế về hiệu quả vốn đầu tư (ví dụ: diện tích tưới tiêu, mức đóng góp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm tăng, v.v...).

Mức C: Nhà nước hỗ trợ đại bộ phận vốn, vật tư xây dựng công trình cho đơn vị sản xuất cơ sở (những phần địa phương có khả năng thực hiện vận động viên nhân dân đóng góp). Mức C chỉ áp dụng cho các trường hợp sau:

— Nơi gặp thiên tai, địch họa nghiêm trọng;

— Nơi cần thi hành chính sách dân tộc hay có yêu cầu quốc phòng;

— Công trình cần làm mẫu để phổ biến học tập.

Công trình được hưởng mức C phải nằm trong vùng do Ủy ban nhân dân tỉnh xác định trong từng kỳ kế hoạch (hoặc đột xuất).

Điều 9.— Sự giúp đỡ của Nhà nước về mặt vật tư và thiết bị sẽ thực hiện như sau :

— Trước hết đơn vị sản xuất cơ sở phải tự lực đến mức tối đa những thứ dễ mua hoặc sẵn có tại chỗ và trong dân; và chỉ yêu cầu Nhà nước giúp đỡ những thứ khó, hiếm hoặc do Nhà nước quản lý;

— Nhà nước sẽ bán hoặc cung cấp hiện vật (có thể kể cả vận chuyển nếu phải lấy từ xa) phần đơn vị sản xuất cơ sở yêu cầu. Tỉnh, huyện có thể tổ chức sản xuất tập trung những cấu kiện bê tông đúc sẵn (ống cống, đầu cống, v.v...), những cửa cống và bộ máy đóng mở để bán hoặc cung cấp cho đơn vị sản xuất cơ sở;

— Để bảo đảm có vật tư và thiết bị bán hoặc cung cấp cho công tác thủy lợi nhỏ theo quy định này, ngành thủy lợi lập kế hoạch vật tư thiết bị cho công trình thủy lợi nhỏ, đề xin Nhà nước cấp và thông qua ngành vật tư của tỉnh, huyện để tổ chức tốt việc cung ứng và quản lý phân phối.

Điều 10.— Sự giúp đỡ về mặt kỹ thuật do ngành thủy lợi ở cấp tỉnh và huyện tổ chức thực hiện như sau :

— Giúp đỡ phát hiện công trình và nghiên cứu công trình cho phù hợp với quy hoạch vùng; hướng dẫn và giúp trong các bước chuẩn bị đầu tư, xây dựng và quản lý công trình;

— Các biện pháp giúp đỡ có thể là phổ biến, hướng dẫn, bồi dưỡng cán bộ công nhân; nhận làm giúp theo hợp đồng kinh tế trong những việc như khảo sát, thiết kế, xây dựng hoặc cử cán bộ đến giải quyết từng việc, từng thời gian.

Điều 11.— Theo tính chất công trình, cần phân biệt ba loại đối tượng đầu tư :

a) Loại chỉ đầu tư một lần: Đó là loại công trình nhỏ nhưng kiên cố, xây dựng một lần sử dụng ổn định lâu dài. Loại này suất đầu tư có thể cao, nhưng yêu cầu phải là phương án có hiệu quả kinh tế hơn phương án giải quyết bằng công trình lớn.

b) Loại đầu tư nhiều lần: Đó là loại công trình nhỏ đơn giản, dễ làm, có thời gian phục vụ ngắn một vụ hay một năm. Loại này suất đầu tư thường là thấp; nếu được Nhà nước đầu tư thì đầu tư lần đầu ở mức tối thiểu cần thiết. Những lần sau Nhà nước chỉ giúp đỡ khi cần để đưa dần lên bán kiên cố hay kiên cố từng phần, tiến tới Nhà nước không phải đầu tư nữa.

c) Loại còn phải xem xét kỹ để quyết định mức đầu tư: Đó là loại công trình nói ở điểm b, điều 2, chủ yếu là loại công trình mặt ruộng là phần cơ sở của hệ thống sau này, tuy phục vụ được một số lợi ích trước mắt tại chỗ, nhưng còn cần phải xây dựng một công trình hay một hệ thống công trình lớn hoặc vừa nữa mới phát huy được đầy đủ tác dụng.

Điều 12.— Các tiêu chuẩn làm căn cứ để xét duyệt công trình thủy lợi nhỏ và phân bố mức đầu tư.

a) Tiêu chuẩn địa bàn:

— Về mặt sản xuất thì ưu tiên vùng trọng điểm sản xuất cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày; vùng có nhiều khả năng mở rộng diện tích gieo trồng và tăng nhanh nông sản hàng hóa và xuất khẩu;

— Về mặt thủy lợi thì ưu tiên vùng chưa có hoặc có ít công trình thủy lợi; vùng dùng công trình thủy lợi nhỏ thích hợp hơn công trình lớn và có thể thay thế hẳn công trình lớn; vùng hạn úng còn nghiêm trọng, làm công trình lớn khó khăn tốn kém.

b) Tiêu chuẩn kỹ thuật:

— Nằm trong quy hoạch hoặc phù hợp với phương hướng quy hoạch thủy lợi huyện hoặc vùng;

— Không mâu thuẫn với lợi ích các vùng lân cận;

— Công trình hợp lý và an toàn.

c) Tiêu chuẩn kinh tế:

— Mức độ tự lực của đơn vị sản xuất cơ sở hợp lý và tích cực;

— Hiệu quả kinh tế cao, thể hiện trên các mặt: mức chi phí thấp; mức tăng nhanh sản lượng hàng hóa nông sản; mức tăng nghĩa vụ lương thực, thực phẩm; mức tăng thu nhập của đơn vị sản xuất cơ sở;

— Thời gian thu hoàn vốn nhanh (nhất là đối với loại công trình nói ở điểm b, điều 2 thì phải đạt thời gian thu hoàn vốn trước khi có công trình xây dựng sau).

Điều 13. — Đề thích hợp với các điều kiện đặc thù và khả năng của từng địa phương, và đề sát với chủ trương của từng kỳ kế hoạch dài hạn của từng tỉnh, Sở thủy lợi căn cứ các điều 8, 9, 10, 11, 12 xây dựng và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương ban hành các quy định và các điều kiện chi tiết cho các mức đầu tư và phân cấp xét duyệt áp dụng trong tỉnh.

Điều 14. — Đề khuyến khích các đơn vị sản xuất cơ sở tự lực làm thủy lợi (nhất là khuyến khích mức A) ban thủy lợi huyện có trách nhiệm đề nghị Ủy ban nhân dân huyện áp dụng các hình thức:

a) Khi cân đối kế hoạch lao động trong huyện có chiếu cố các đơn vị sản xuất cơ sở đang cần lao động để xây dựng công trình thủy lợi nhỏ. Có thể xét hoãn hoặc giảm mức huy động lao động nghĩa vụ đi làm thủy lợi ngoài xã.

b) Hàng năm xét khuyến khích các công trình thủy lợi nhỏ làm tốt. Có thể cấp cho một số đơn vị sản xuất cơ sở tự lực cao, phát huy tác dụng công trình tốt, một số tiền để bù đắp lại một phần vốn đã bỏ ra mua vật tư của Nhà nước.

c) Những đơn vị sản xuất cơ sở làm công trình theo mức A được đặc biệt khuyến khích khi xét mức thuế nông

ngiệp, mức nghĩa vụ lương thực thực phẩm cho diện tích tăng năng suất, tăng sản lượng nhờ công trình thủy lợi nhỏ tự làm (ví dụ cho phép kéo dài mức cũ thêm một số năm nữa).

Điều 15. — Thủ tục đầu tư:

a) Thủ tục xin xây dựng: Khi muốn xây dựng công trình thủy lợi nhỏ (kể cả công trình không cần Nhà nước hỗ trợ), đơn vị sản xuất cơ sở phải làm hai văn bản như sau gửi ban thủy lợi huyện:

— Một tờ trình nêu rõ tên và địa điểm công trình; các hạng mục công trình (có mô tả biện pháp kỹ thuật); khối lượng vật tư, tiền vốn, lao động; kế hoạch tổ chức thi công; mức đầu tư đề nghị (ghi cụ thể những đề nghị Nhà nước giúp đỡ); lợi ích sẽ đạt và phân trách nhiệm đơn vị sản xuất cơ sở cam kết thực hiện.

— Một bản sơ họa mặt bằng khu công trình đầu mối và khu vực khai thác.

Tờ trình và bản sơ họa do đơn vị sản xuất cơ sở làm có sự hướng dẫn của ban thủy lợi huyện và phải được thông qua đại hội xã viên hoặc đại hội đại biểu xã viên (hoặc Hội đồng nhân dân xã nếu chưa phải là đơn vị sản xuất tập thể) trước khi trình duyệt.

Ban thủy lợi huyện thẩm tra và thực hiện chế độ xét duyệt theo quy định của Sở thủy lợi, sau khi đã có ý kiến của Sở về mặt kỹ thuật đối với công trình đó. Nếu công trình hay hạng mục công trình nào có kỹ thuật phức tạp (nhất là về địa chất, thủy văn và cấu tạo công trình) thì Sở thủy lợi yêu cầu phải có tiếp những bản thiết kế kỹ thuật (việc thiết kế kỹ thuật và duyệt thiết kế kỹ thuật do Sở thủy lợi làm hoặc phân cấp cho huyện theo chế độ quy định của Sở).

b) Văn bản duyệt xây dựng căn cứ các điều quy định kể trên và căn cứ đề nghị của ban thủy lợi, Ủy ban nhân dân huyện xét quyết định cho phép xây dựng trong số những công trình thủy lợi nhỏ đã được ngành thủy lợi xét duyệt về mặt kỹ thuật.

Nội dung văn bản duyệt ghi rõ tên và địa điểm công trình; nhiệm vụ công trình

(các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật chủ yếu); mức đầu tư và cụ thể các danh mục được Nhà nước đầu tư, nếu có; thời gian khởi công và hoàn thành; phân công trách nhiệm xây dựng và quản lý khai thác; những điều kiện đơn vị sản xuất cơ sở cần thực hiện. Có văn bản duyệt xây dựng này đơn vị sản xuất cơ sở mới đủ cơ sở pháp lý để khởi công, xin cấp phát hoặc đi vay ngân hàng.

Văn bản duyệt xây dựng cần gửi một bản về Sở thủy lợi để theo dõi.

Điều 16. — Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thủy lợi nhỏ.

Ban thủy lợi huyện giúp Ủy ban nhân dân huyện lập kế hoạch thủy lợi nhỏ của huyện cùng lúc làm kế hoạch xây dựng cơ bản công trình địa phương.

Sở thủy lợi giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương xem xét và giúp đỡ việc bố trí kế hoạch thủy lợi nhỏ phần thuộc ngân sách huyện; duyệt kế hoạch thủy lợi nhỏ phần thuộc ngân sách tỉnh hỗ trợ và tổng hợp kế hoạch các huyện báo cáo Bộ Thủy lợi.

Bộ Thủy lợi tổng hợp kế hoạch của các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương, làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đề trình Chính phủ phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch thủy lợi nhỏ hàng năm. Bộ Thủy lợi thông báo cho các Sở thủy lợi biết các chỉ tiêu kế hoạch được duyệt.

Ủy ban nhân dân huyện tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thủy lợi nhỏ trong huyện và thực hiện phần Nhà nước đầu tư giúp đỡ các đơn vị sản xuất cơ sở đúng kế hoạch và tiến độ xây dựng.

Điều 17. — Đề quản lý việc đầu tư cho công tác thủy lợi nhỏ không trùng lặp, không kéo dài và đề theo dõi kết quả công tác thủy lợi nhỏ từng thời gian, cho đến khi kết thúc ở từng huyện, mỗi huyện lập hai quyền sổ đăng ký công trình thủy lợi nhỏ (một quyền nộp lên Sở thủy lợi, một quyền để tại ban thủy lợi huyện).

Nội dung đăng ký những vấn đề cơ bản là:

— Tên xã, diện tích canh tác,

— Tên công trình thủy lợi nhỏ đã làm, diện tích tưới, tiêu,

— Thời gian khởi công, thời gian hoàn thành,

— Tổng vốn đầu tư, phần Nhà nước đầu tư,

— Theo dõi diễn biến, ghi chép hiệu quả (có lên sơ bản đồ theo dõi).

Sổ đăng ký này sẽ được theo dõi và bổ sung thường xuyên và nghiên cứu hàng năm vào kỳ lập kế hoạch.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NHỎ

Điều 18. — Đề xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, đơn vị sản xuất cơ sở chịu trách nhiệm trước nhân dân và trước Nhà nước tổ chức thi công, tổ chức quản lý vốn, lao động và vật tư thiết bị (kể cả phần tự có và phần Nhà nước đầu tư). Đơn vị sản xuất cơ sở có thể ký hợp đồng thi công với các lực lượng xây dựng, cơ giới, cơ khí... trong và ngoài huyện.

Chỉ trong một số ít trường hợp xét không thể giao cho đơn vị sản xuất cơ sở làm chủ đầu tư hoàn toàn được, thì Ủy ban nhân dân huyện quyết định tổ chức quản lý phần vốn Nhà nước đầu tư và tổ chức thi công có sự tham gia của đơn vị sản xuất cơ sở.

Điều 19. — Về phần vốn và vật tư Nhà nước đầu tư, phải tôn trọng các chế độ, định mức, đơn giá đã được phép áp dụng cho các công trình xây dựng cơ bản địa phương.

Về phần vốn tự có, được phép vận dụng linh hoạt các chế độ, định mức đơn giá khi được nhân dân thỏa thuận.

Điều 20. — Ban thủy lợi huyện cùng với các cơ quan chuyên môn khác của huyện (như ban kế hoạch, ban tài chính, trạm vật tư, v.v) giúp Ủy ban nhân dân huyện tổ chức chỉ đạo công tác thủy lợi nhỏ, phục vụ các đơn vị sản xuất cơ sở theo chức

năng của mình, đồng thời giám sát, kiểm tra các đơn vị sản xuất cơ sở trong việc chấp hành các chế độ, chính sách về quản lý kinh tế, tài chính và quản lý kỹ thuật.

Điều 21. — Khi hoàn thành công trình, đơn vị sản xuất cơ sở phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện để tổ chức nghiệm thu làm cơ sở thanh quyết toán phần vốn Nhà nước đầu tư với tài chính... và ngân hàng huyện, phần vốn tự có với xã viên hoặc với nhân dân đã đóng góp xây dựng.

Sau đó bàn giao cho tổ chức quản lý khai thác công trình của đơn vị sản xuất cơ sở (ở đây không nói đến công trình liên xã mà Ủy ban nhân dân huyện có thể quyết định hình thức tổ chức quản lý khai thác).

Điều 22. — Đề quản lý khai thác công trình đạt và vượt hiệu quả kinh tế dự tính lúc đầu tư, đơn vị sản xuất cơ sở phải thành lập tổ chức quản lý công trình. Tổ chức và hoạt động của tổ chức này thực hiện theo sự hướng dẫn của ban thủy lợi huyện cho đúng với những thể lệ và chế độ về quản lý và khai thác công trình Nhà nước đã ban hành và tỉnh đã quy định.

Công trình thủy lợi nhỏ làm xong là tài sản của đơn vị sản xuất cơ sở; cho nên khi đưa vào khai thác, đơn vị sản xuất cơ sở phải xây dựng nội quy bảo vệ và vận hành công trình và phải định ra chế độ thực hi để hạch toán kinh tế, (những chi phí sản xuất và tu bổ sửa chữa thường xuyên, định kỳ trong quá trình quản lý khai thác, đơn vị sản xuất cơ sở phải tự giải quyết. Nhà nước không đầu tư nữa).

Bản nội quy và chế độ thu chi phải được tập thể xã viên hoặc các hộ nông dân hưởng lợi bàn bạc dân chủ thông qua, đơn vị quản lý công trình có trách nhiệm thi hành.

Chương IV

PHÂN CẤP TRÁCH NHIỆM TRONG NGÀNH THỦY LỢI

Điều 23. — Công tác thủy lợi nhỏ là sự nghiệp của quần chúng do quần chúng tự

xây dựng và quản lý để phục vụ lợi ích trực tiếp của mình.

Ngành thủy lợi có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ để phát huy cao khả năng tự lực của quần chúng, và hiệu quả vốn đầu tư của Nhà nước và của nhân dân.

Bộ phân cấp trách nhiệm đó như sau :

a) Sở thủy lợi có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương chỉ đạo tốt công tác thủy lợi nhỏ.

Ngoài những việc cụ thể đã ghi ở các điều 13, 15, 16 Sở thủy lợi có những nhiệm vụ :

— Giúp các huyện hoàn thành quy hoạch thủy lợi huyện (hoặc quy hoạch vùng);

— Xác định chủ trương, phương hướng phát triển thủy lợi nhỏ cho từng huyện, trong từng giai đoạn;

— Quản lý việc xây dựng công trình thủy lợi nhỏ của các huyện theo đúng quy hoạch, kế hoạch và bảo đảm tổng vốn và phân bổ cho ngành được đầu tư đúng danh mục công trình đã duyệt;

— Hướng dẫn, giúp đỡ và kiểm tra các huyện về quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật (phải chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và biên soạn, tuyên truyền phổ biến tài liệu khoa học kỹ thuật phổ thông, các bản thiết kế định hình sát với yêu cầu địa phương);

— Thường kỳ sơ, tổng kết công tác thủy lợi nhỏ và báo cáo Bộ;

— Tích cực tham gia xây dựng và kiện toàn các ban thủy lợi huyện đủ năng lực hoàn thành các nhiệm vụ được phân cấp.

b) Ban thủy lợi huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo chủ động, trực tiếp và toàn diện công tác thủy lợi nhỏ; làm chức năng quản lý ngành trong các bước quy hoạch, kế hoạch, thiết kế, thi công và quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ; có kế hoạch giúp đỡ và cử cán bộ trực tiếp giúp đỡ các xã, các đơn vị sản xuất cơ sở làm thủy lợi nhỏ. Những phần việc nào chưa làm được thì đề nghị

Sở thủy lợi giúp đỡ hoặc hợp đồng với các đơn vị sản xuất kinh doanh.

Đề tạo điều kiện cho các Sở thủy lợi, các ban thủy lợi huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ trên, Bộ Thủy lợi sẽ theo dõi tổng kết các điển hình tốt, phổ biến thường xuyên và rộng rãi các kiến thức khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm thực tế, tuyển chọn các mẫu thiết kế định hình. Trên cơ sở này, Bộ sẽ ban hành hoặc đề nghị Chính phủ ban hành các luật lệ, chính sách cần thiết về công tác thủy lợi nhỏ phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới áp dụng thống nhất trong toàn ngành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. — Bản quy định này áp dụng kể từ ngày ban hành, các Sở thủy lợi có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương hướng dẫn thực hiện quy định này và theo dõi quá trình thực hiện, báo cáo về Bộ.

Điều 25. — Bản quy định này áp dụng đối với những đơn vị sản xuất cơ sở thuộc cấp huyện là cấp kế hoạch toàn diện và có ngân sách.

Đơn vị sản xuất cơ sở thuộc cấp huyện chưa phải là cấp kế hoạch toàn diện và chưa có ngân sách, Sở thủy lợi có thể cho nơi đó vận dụng một số điều khoản nói trong quy định này, những điều chưa cho vận dụng thì tỉnh phải đảm nhận.

Những quy định trước đây trái với bản quy định này đều bãi bỏ.

Điều 26. — Đơn vị sản xuất cơ sở nào vi phạm những điều quy định tại văn bản này gây ra hậu quả xấu cho công tác thủy lợi nhỏ ở nơi đó, tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo các mức sau :

1. Bị ngừng cấp phát vốn, vật tư, thiết bị ;
2. Bị thu hồi một phần vốn, vật tư, thiết bị ;
3. Bị đình chỉ thi công.

Ban thủy lợi huyện có trách nhiệm theo dõi đề trình Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định về các mức phạt nói trên một cách kịp thời.

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi
NGUYỄN CẢNH DINH

BỘ THỦY LỢI

THÔNG TƯ số 5-TS/TT ngày 8-12-1981 hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, quan hệ công tác, lề lối làm việc của ban thủy sản huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh (dưới đây gọi tắt là huyện).

Đề thực hiện chỉ thị số 33-CT/TU ngày 21-1-1978 của Bộ Chính trị trung ương Đảng về xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện; nghị quyết số 33-CP của Hội đồng Chính phủ (nay là Hội đồng bộ trưởng) ngày 4-2-1978 bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của chính quyền Nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý kinh tế; quyết định số 139-CP ngày 14-6-1978 ban hành bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, quan hệ công tác và lề lối làm việc của Ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; quyết định số 152-CP ngày 9-4-1981 về tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn của các ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện

Ngày 21-9-1981, Ban tổ chức của Chính phủ đã ra thông tư số 335-TCCP hướng dẫn thực hiện quyết định số 152-CP nói trên, thông tư hướng dẫn: «Ban nông nghiệp hoặc nông — lâm ngư nghiệp... Đối với huyện miền biển thực hiện theo quyết định số 139-CP của Hội đồng Chính phủ (nay